TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1461/2026/DS-PT
Ngày: 15/10/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Bà **Mạc Thị Chiên**

Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Thị Tú Trinh** – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ***: Ông **Lâm Thành Them** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 10 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1519/2026/TBTL-TA ngày 09 tháng 9 năm 2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 239/2026/DS-ST ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1738/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP V (V1)**

Địa chỉ trụ sở chính: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành T** – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Phan Thanh H**, sinh năm 1997 – Chuyên viên xử lý nợ. (Có mặt)

Địa chỉ trụ sở: Tầng C, số C N, phường C, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Bà **Đặng Thị Diệu H1**, sinh năm: 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ.

Có Luật sư **Trương Thị X** thuộc Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Diệu H1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Đặng Thị Diệu H1 có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) các hợp đồng vay như sau:

Hợp đồng cho vay thẻ tín dụng số 283-P-3501311: Ngày 05/10/2022 Bà H1 đã ký Giấy Đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ với hạn mức 15.000.000 đồng. Mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất là 47,88% năm. Thời điểm vi phạm từ ngày 24/9/2025. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là khách hàng không thanh toán nợ gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì khách hàng đã không thanh toán cho Ngân hàng tổng dư nợ tạm tính đến ngày 18/6/2026 là 12.793.262 đồng (Trong đó nợ gốc là 8.336.219 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.971.362 đồng, lãi quá hạn là 1.485.681 đồng).

Hợp đồng cho vay số LD2227200807: Ngày 29/9/2022, bà H1 đã được giải ngân Hợp đồng vay số tiền vay là 210.000.000 đồng. Mục đích vay là Vay tiêu dùng. Hợp đồng tạm tính đến ngày 18/6/2026 như sau: Tổng số tiền vay ban đầu là 210.000.000 đồng; Số tiền gốc đã thanh toán đến hiện tại là 100.436.435 đồng; Số tiền lãi đã thanh toán đến hiện tại là 185.554.872 đồng; Tổng số tiền đã thanh toán gốc và lãi đến hiện tại là 285.991.307 đồng. Lãi suất cho vay là 35%/năm; được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân và sau đó sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7 và ngày 01/10 hàng năm. Mức lãi suất tham chiếu được xác định theo Biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với các khoản vay không có tài sản đảm bảo dành cho Khách hàng cá nhân tại Ngân hàng và được công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Thực hiện hợp đồng, ngày 29/9/2022, bà H1 đã nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, từ ngày 06/9/2025 cho đến ngày 18/6/2026 bà H1 vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc 109.563.565 đồng, lãi trong hạn là 32.169.637 đồng, lãi quá hạn là 16.084.818 đồng theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng

Từ khi khách hàng quá hạn thì đại diện Ngân hàng làm việc liên tục với khách hàng nhưng khách hàng trốn tránh thực hiện thanh toán nợ vay. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền

còn nợ tính đến ngày 18/6/2026 với số tiền 170.611.282 đồng (Trong đó nợ gốc là khoản vay thẻ tín dụng là 8.336.219 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.971.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.485.681 đồng; Nợ gốc khoản vay tín dụng 109.563.565 đồng, nợ lãi trong hạn 32.169.637 đồng, nợ lãi quá hạn 16.084.818 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 19/6/2026 trở đi bà H1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Đặng Thị Diệu H1 trình bày:

Bị đơn thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng vay số tiền 210.000.000 đồng hình thức vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Thời điểm vay tiền, bị đơn có thông qua môi giới là ông Lê Văn Hai N, là người tự nhận là nhân viên Ngân hàng để vay, bị đơn không biết nhà và địa chỉ của ông Hai N. Tuy nhiên, ông N chỉ nói Hợp đồng vay có giá trị là 190.000.000 đồng, còn số tiền 10.000.000 đồng dùng để bảo hiểm cho khoản vay trong Hợp đồng bị đơn không biết do tại thời điểm ký hợp đồng ông N không ghi rõ số tiền và các thông tin khác và số tiền 10.000.000 đồng còn lại ông N tự ý lấy và nói là tiền hoa hồng của ông N. Bị đơn chỉ nhận được số tiền 190.000.000 đồng. Đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng cấp số tiền 15.000.000 đồng thì bị đơn có ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng nhưng không có nhận thẻ tín dụng. Bị đơn thừa nhận có cung cấp mã OTP để nhân viên Ngân hàng kích hoạt thẻ tín dụng nhưng không có rút tiền. Sau đó, trong quá trình trả nợ cho Ngân hàng, bị đơn thanh toán cho Ngân hàng và Ngân hàng tự cấn trừ nợ của bị đơn vào thẻ tín dụng mà bị đơn không hay biết nên không đồng ý trả nợ thẻ tín dụng. Bị đơn đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nhiều hơn số tiền đã vay nên không đồng ý trả nợ cho ngân hàng.

Đề nghị Tòa án xem xét buộc nguyên đơn ngân hàng trả lại số tiền mà bị đơn nộp dư theo tường trình của bị đơn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện ủy quyền của bị đơn Đặng Thị Diệu H1 là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của bị đơn bà H1. Ngoài ra, trong quá trình trả nợ cho Ngân hàng, ông Lê Văn Hai N có dẫn người đến gây rối, hăm dọa gia đình bà H1. Bị đơn không đồng ý với phía nguyên đơn về lãi suất mà nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện và thực tế bị đơn chỉ nhận số tiền 190.000.000 đồng nên không đồng ý với số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng cho vay LD2227200807 ngày 29/9/2022. Đề nghị Tòa án xem xét buộc nguyên đơn Ngân hàng trả lại số tiền mà bị đơn nộp dư theo tường trình của bị đơn.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 239/2026/DS-ST ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bị đơn Đặng Thị Diệu H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 18/6/2026 là 170.611.282 đồng (Một trăm bảy mươi triệu, sáu trăm mười một ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng). Trong đó (nợ gốc là khoản vay thẻ tín dụng là 8.336.219 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.971.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.485.681 đồng; Nợ gốc khoản vay tín dụng 109.563.565 đồng, nợ lãi trong hạn 32.169.637 đồng, nợ lãi quá hạn 16.084.818 đồng).

Kể từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thi hành án xong các bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án có tuyên về quyền kháng cáo, chi phí tố tụng và tiền án phí.

Ngày 01/7/2026, bị đơn bà Đặng Thị Diệu H1 kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Bị đơn bà Đặng Thị Diệu H1: Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Thực tế bị đơn chỉ nhận được số tiền 190.000.000 đồng. Việc mở thẻ tín dụng bị đơn không có nhận thẻ tín dụng và không có rút tiền. Số tiền bị đơn thanh toán cho Ngân hàng theo thừa nhận của Ngân hàng là hơn 285 triệu đồng và Ngân hàng tự cấn trừ nợ của bị đơn vào thẻ tín dụng mà bị đơn không hay biết nên không đồng ý trả nợ thẻ tín dụng. Bị đơn đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nhiều hơn số tiền đã vay nên không đồng ý trả nợ cho ngân hàng.

Đề nghị: cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Đại diện của nguyên đơn Ngân hàng: Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo: Theo hồ sơ do Ngân hàng cung cấp, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân theo thỏa thuận trong hợp đồng; quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có phát sinh nghĩa vụ thanh toán và đã thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Do đó,

có cơ sở xác định hợp đồng tín dụng có hiệu lực và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc, lãi phát sinh theo thỏa thuận. Việc bị đơn chỉ trình bày thực tế nhận 190.000.000 đồng mà không có chứng cứ đối chứng là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Đối với tiền gốc và lãi: bị đơn không đưa ra được chứng cứ cụ thể chứng minh số tiền đã trả vượt.

Từ những phân tích trên: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Đặng Thị Diệu H1 có đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H1:

[2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng và bà H1 có xác lập Hợp đồng cho vay và các hồ sơ tín dụng có liên quan. Bị đơn thừa nhận chữ ký của mình trong hợp đồng. Theo hồ sơ do Ngân hàng cung cấp, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân theo thỏa thuận trong hợp đồng; quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có phát sinh nghĩa vụ thanh toán và đã thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng tín dụng có hiệu lực và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc, lãi phát sinh theo thỏa thuận.

[2.2] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng chỉ thực nhận 190.000.000 đồng nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền Ngân hàng giải ngân thực tế thấp hơn số tiền thể hiện trong hồ sơ tín dụng. Trong khi đó, Ngân hàng đã cung cấp chứng từ giải ngân, lịch sử giao dịch và bảng tính quá trình thanh toán, làm căn cứ xác định số tiền gốc còn nợ. Do đó, khi bị đơn đã thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng nhưng cho rằng số tiền thực nhận khác với số tiền Ngân hàng xác định thì bị đơn phải có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình. Việc chỉ trình bày thực tế nhận 190.000.000 đồng mà không có chứng cứ đối chứng là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Đối với tiền lãi: Cấp sơ thẩm căn cứ thỏa thuận của các bên và quá trình thực hiện hợp đồng để xác định đến ngày 18/6/2026. Xét thấy, cách xác định số tiền nợ nêu trên có căn cứ từ hợp đồng tín dụng, chứng từ giải ngân, lịch sử thanh toán

và bảng kê công nợ do Ngân hàng cung cấp; bị đơn không đưa ra được chứng cứ cụ thể chứng minh. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về nội dung này.

[2.4] Bị đơn cho rằng trong quá trình trả nợ đã thanh toán vượt quá nghĩa vụ và yêu cầu Ngân hàng trả lại số tiền nộp dư. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày, bị đơn không cung cấp được chứng từ, tài liệu thể hiện số tiền đã thanh toán thực tế lớn hơn số tiền Ngân hàng đã hạch toán và cũng không chứng minh được khoản tiền cụ thể nào Ngân hàng chưa khấu trừ vào nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc cho rằng đã trả dư tiền là có căn cứ.

[2.5] Đối với việc bị đơn trình bày ông Lê Văn Hai N có hành vi dẫn người đến gây rối, hăm dọa gia đình bị đơn trong quá trình trả nợ: đây là nội dung phát sinh giữa bị đơn với ông Hai N, không phải là căn cứ làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với Ngân hàng. Nếu có tranh chấp và bị đơn có yêu cầu độc lập đối với ông Hai N thì bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn và quan điểm của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bà H1; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Xét Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Diệu H1.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 239/2026/DS-ST ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Đặng Thị Diệu H1 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000510 ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 - Cần Thơ thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, và Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Minh Trang

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND khu vực 14 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 14 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.